| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẠC SƠN**<br>**TỈNH HOÀ BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày: 24-12-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Bùi Văn Thiệu;

Ông Bùi Văn Quyết.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà***: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 24/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình S thụ lý số: 54/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh ngày 27/09/1990 tại xã Â, huyện Ln, tỉnh H. Nơi cư trú: xóm N, xã Â, huyện Ln, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm: 1952 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1956 vợ là Bùi Thị Thi, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 21/05/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 14 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong ngày 12/02/2019.

Tiền S: Không.

2. Bùi Văn S, sinh ngày 09/08/1987 tại xã T, huyện L, tỉnh H. Nơi cư trú: xóm B, xã T, huyện L, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 2/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1960 (đã chết) và Bùi Thị N, sinh năm 1962; vợ là Mỗ Thùy D, sinh năm 1984 và có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo S bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị cáo T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn S: ông Vũ Đình H- trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh Trợ giúp pháp lý nhà nước số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Bị hại: Bùi Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm Lục 1, xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh H. Có mặt;

- Người làm chứng: Quách Thị T. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 12/8/2020, Bùi Văn S đến nhà Bùi Văn T chơi. Do biết sáng hôm sau là phiên chợ R ở Đội A, xã Â nên S đã rủ T đến chợ R tìm xem ai để xe máy sơ hở thì trộm cắp và T đồng ý. Sau đó, S ngủ tại nhà T. Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 13/8/2020, S và T đi bộ ra khu vực cổng dưới chợ R để đứng chờ tìm cơ hội trộm cắp. Tại đây, các bị cáo nhìn thấy chị Bùi Thị T đi xe mô tô BKS: 28H1 - 070.63 chở mẹ đẻ là bà Quách Thị T đi đến, để xe ở đường bên ngoài cổng chợ rồi vào trong chợ. Thấy không có ai trông coi, quản lý tài sản nên T đứng quan sát, cảnh giới để S đi đến vị trí chiếc xe mô tô của chị T, dùng 01 chiếc "Vam" tự chế hình chữ "L" đã chuẩn bị từ trước cho vào ổ khóa rồi phá khóa nổ máy xe tẩu thoát. Lấy được tài sản, S chở T đi ra thành phố H tìm nơi để tiêu thụ. Trên đường đi, các bị cáo kiểm tra bên trong cốp xe thì phát hiện có 01 giấy phép lái xe của chị T, 01 đăng ký xe và 01 bảo hiểm của xe mô tô biển kiểm soát 28H1 - 070.63 mang tên Bùi Thị T. Cả hai đem chiếc xe trên đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn Q, tại tổ A phường T, thành phố H, tỉnh H để bán. Tại đây, T là người mang xe vào giao dịch, còn S đứng ngoài chờ. T bán chiếc xe mô tô kèm theo 01 đăng ký xe cho anh Q được *7.000.000đ (bảy triệu đồng)*, T tự giữ lại *2.000.000đ (hai triệu đồng)* rồi ra đưa cho S *5.000.000đ (năm triệu đồng)* và nói đó là số tiền bán xe. S đưa lại cho T cầm *500.000đ (năm trăm nghìn)* còn mình cầm *4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* rồi cả hai đi về nhà S. Lúc này, S mang giấy chứng nhận bảo hiểm xe và giấy phép lái xe của chị T đi đốt. S và T đã dùng chung số tiền bán xe vào việc ăn uống và mua ma túy sử dụng hết 4.530.000đ *(Bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 14/8/2020, thấy Bùi Văn S có dấu hiệu nghi vấn nên tổ Công tác Công an huyện Lạc Sơn và Công an xã Tân Mỹ đã tiến hành kiểm tra hành chính đối với S. Quá trình kiểm tra phát hiện trên người của S

có 01 chiếc "Vam" tự chế và số tiền 1.840.000đ *(một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*. S thừa nhận mình đã dùng chiếc vam trên để thực hiện hành vi trộm tài sản và số tiền trên là tiền còn lại do bán xe trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo S.

Quá trình điều tra, S khai nhận Bùi Văn T là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mình. Do đó, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/8/2020, khi T đang lẩn trốn đến địa bàn xã L, huyện Y, tỉnh H thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn phối hợp với Công an xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Văn T và thu giữ trên người T số tiền 630.000đ *(sáu trăm ba mươi nghìn đồng), T* khai nhận đây là số tiền còn lại do bán xe trộm cắp mà có.

Ngày 17/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 29 đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện Lạc Sơn tiến hành định giá tài sản là: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Waveα, màu sơn: Đỏ - Đen - Bạc, BKS: 28H1-070.63, số khung: RLHHC120XBY471252, số máy: HC12E – 3271293, xe cũ đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình S số 25 ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lạc Sơn kết luận chiếc xe trên có giá trị thực tế còn lại tại thời điểm bị xâm hại là 7.833.333đ (*Bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn S và Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Qua đấu tranh mở rộng, S và T còn khai nhận trước đó vào ngày 10/8/2020, S và T còn cùng nhau thực hiện thêm một vụ trộm cắp tài sản tại xóm Y, xã L, huyện Y, tỉnh H.

Theo Bản cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn S và Bùi Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thực hành quyền công tố tại phiên toà: đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Văn S 12 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Văn T 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổsung đối với bị cáo.

*Về vật chứng:*

+ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Waveα, màu sơn: Đỏ - Đen - Bạc, BKS: 28H1-070.63, xe cũ đã qua sử dụng kèm 01 đăng ký xe máy số 007234 mang tên Bùi Thị T. Xét thấy, không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người chủ sở hữu để quản lý, bảo quản. Việc xử lý vật chứng phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình S do vậy đề nghị HĐXX công nhận và không xem xét giải quyết trong vụ án;

+ 01 chiếc "Vam" tự chế hình chữ "L" có thể thay đổi vị trí thanh kim loại trên vam phá khóa đã được niêm phong theo quy định. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình S.

+ Số tiền 1.840.000đ *(một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn S và số tiền 630.000đ *(sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn T đã được niêm phong theo quy định đề nghị trả lại cho anh Qlà phù hợp khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Về trách nhiệm dân S*: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587; 589 Bộ luật dân S của bộ luật dân S đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận S thỏa thuận tự nguyện giữa các bị cáo với bị hại Bùi Thị T cụ thể: Bùi Văn S và Bùi Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* là tiền chị T phải làm lại các giấy tờ S đã đốt và 700.000 *(Bảy trăm nghìn)* đồng tiền chị T đã sửa chữa xe. Tổng cộng là 2.700.000 *(Hai triệu bảy trăm nghìn)* đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 4.530.000đ *(Bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng)* là tiền các bị cáo bán xe cho anh Q mà có và đã tiêu sài hết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với việc anh Nguyễn Văn Q đã mua chiếc xe mà S, T trộm cắp được nhưng không biết đó tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn không đề cập xử lý là có căn cứ.

Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Bùi Văn T không có lời bào chữa.

Người bào chữa của bị cáo Bùi Văn S thống nhất về tội danh và áp dụng pháp luật như Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng bị cáo S phạm tội lần đầu, gây thiệt hại không lớn; bị cáo chưa có tiền án tiền S; là người có lai lịch rõ ràng; là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó

khăn; trình độ văn hóa thấp nên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo S điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi bị cáo gây ra.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình S năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn S tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; các vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 13/8/2020, tại Đội 5, xã Â, huyện Ln, tỉnh H, bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn S đã có hành vi lợi dụng lúc không có người trông coi quản lý tài sản. T đứng ở ngoài cảnh giới để cho S dùng "Vam" kim loại tự chế do S chuẩn bị từ trước lén lút phá khóa lấy trộm tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 28H1-070.63 trị giá 7.833.333đ (*Bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) của chị Bùi Thị T.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, mặc dù các bị cáo có bàn bạc rủ nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, không phải là phạm tội có tổ chức, không có S cấu kết chặt chẽ của những người cùng tham gia thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo S giữ vai trò là người xúi giục và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo T. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình S, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, thấy trước được hậu quả có thể xảy ra nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên vẫn cố tình thực hiện- lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S đối với các bị cáo:

*Về tình tiết tăng nặng*:

Về tiền án:

Bị cáo Bùi Văn S không có tiền án;

Bị cáo Bùi Văn T có 01 tiền án, ngày 21/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 14 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo T đã chấp hành xong ngày 12/02/2019 nhưng đến ngày 12/08/2020, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự bị cáo đã thực hiện hành vi khi chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Về tiền sự: Các bị cáo không có tiền sự.

Ngoài ra, trước đó các bị cáo còn đang bị khởi tố, điều tra về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình ở một vụ án khác.

*Về tình tiết giảm nhẹ*: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; có trình độ văn hóa thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ thỏa mãn qui định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình S cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] *Về hình phạt chính*: Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Căn cứ tiền án, tiền S, nhân thân bị cáo; Căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S đối với bị cáo HĐXX xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo Bùi Văn T đã bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Không những phạm tội lần này mà trước đó các bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tại địa bàn huyện Yên Thủy. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly xã hội một thời gian đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, nghề nghiệp không ổn định, đều là đối tượng nghiện ma túy. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] *Về trách nhiệm dân S*: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587; 589 Bộ luật dân S của bộ luật dân S; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Chấp nhận S thỏa thuận tự nguyện giữa các bị cáo với bị hại Bùi Thị T cụ thể: Bùi Văn S và Bùi Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* là tiền chị T phải làm lại các giấy tờ S đã đốt và 700.000 *(Bảy trăm nghìn)* đồng chị T đã sửa chữa xe. Tổng cộng là 2.700.000 *(Hai triệu bảy trăm nghìn)* đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Qkhông yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 4.530.000đ *(Bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng)* là tiền các bị cáo bán xe cho anh Qmà có và đã tiêu sài hết nên HĐXX không xem xét.

[8] Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Waveα, màu sơn: Đỏ - Đen - Bạc, BKS:28H1 - 070.63, xe cũ đã qua sử dụng kèm 01 (một) đăng ký xe máy số 007234 mang tên Bùi Thị T. Do không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người chủ sở hữu để quản lý, bảo quản. Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình S do vậy HĐXX công nhận và không xem xét giải quyết;

+ 01 chiếc "Vam" tự chế hình chữ "L" có thể thay đổi vị trí thanh kim loại trên vam phá khóa. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình S.

+ Số tiền 1.840.000đ *(một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn S và số tiền 630.000đ *(sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn T đã được niêm phong theo quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận đó là tiền bán xe cho anh Qmà có do vậy cần trả lại cho anh Qlà phù hợp khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với việc anh Nguyễn Văn Q đã mua chiếc xe mà S, T trộm cắp được nhưng không biết đó tài sản do phạm tội mà có nên HĐXX không đề cập xử lý hành vi của anh Q là có căn cứ.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

Tuy nhiên, đối với đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn S HĐXX xét thấy: Tuy bị cáo S không có tiền án tiền S nhưng ngoài hành vi phạm tội lần này, trước đó bị cáo S còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Yên Thủy, hiện hành vi của bị cáo đang bị khởi tố, điều tra nên HĐXX không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu đối với bị cáo .

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình S sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình S năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình S.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1**. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2020 (Ngày bị cáo bị tạm giữ).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/8/2020 (Ngày bị cáo bị tạm giữ).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn S mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

**2**. Về trách nhiệm dân S: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587; 589 Bộ luật dân S; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Chấp nhận S thỏa thuận tự nguyện giữa các bị cáo với bị hại Bùi Thị T cụ thể: Bùi Văn S và Bùi Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* là tiền chị T phải làm lại các giấy tờ S đã đốt và 700.000 *(Bảy trăm nghìn)* đồng chị T đã sửa chữa xe. Tổng cộng là 2.700.000 *(Hai triệu bảy trăm nghìn)* đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T là 1.350.000 *(Một triệu ba trăm năm mươi)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân S năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**3. Về vật chứng:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình S tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc "Vam" tự chế hình chữ "L" có thể thay đổi vị trí thanh kim loại trên vam phá khóa là công cụ dùng vào việc phạm tội;

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 trả lại cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 1.840.000đ *(một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn S và số tiền 630.000đ *(sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người Bùi Văn T là số tiền còn lại do các bị cáo bán xe cho anh Qmà có.

*(Các vật chứng nêu trên hiện được quản lý tại Chi cục thi hành án dân S huyện Lạc Sơn theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 23/11/2020).*

**3.** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình S năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình S sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân S S sơ thẩm.

**4.** Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình S năm 2015: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Tân Mỹ;
- UBND xã Ân Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng**